

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

- Mã chứng khoán: VNE
- Địa chỉ: Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: (84-0236.3562361)
- Fax: (84-0236.3562367) - E-mail: Info@vneco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Báo cáo tài chính Tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VNECO tại địa chỉ website: <https://www.vneco.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng! 

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Văn Huy

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VNECO;

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10 - 53

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam. Tổng Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/12/2005, đăng ký thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023 về việc thay đổi Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

Tên tiếng anh: VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION.

Tên viết tắt: VNECO.

Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023 là: 904.329.530.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm lẻ bốn tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Địa chỉ trụ sở chính: 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn HOSE với mã VNE. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, cổ phiếu VNE thuộc diện cảnh báo kể từ ngày 10/7/2024 theo Quyết định số 354/QĐ-SGDHCM ngày 03/7/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; cổ phiếu VNE đồng thời được theo dõi ở diện kiểm soát theo Quyết định số 168/QĐ-SGDHCM ngày 04/4/2024 và theo dõi ở diện cảnh báo theo Quyết định số 222/QĐ-SGDHCM ngày 17/4/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Đào Ngọc Quỳnh	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Phú Mai	Phó Chủ tịch
Ông Trần Quang Cần	Thành viên
Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Như	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thường	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Tịnh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quảng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02/01/2024)
Ông Đỗ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02/01/2024)

Số: 340/2024/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2024, từ trang 06 đến trang 53, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại thời điểm 30/6/2024, số dư công nợ phải thu (Mã số 131, 132) chưa đối chiếu, xác nhận là 105,3 tỷ VND (tại ngày 31/12/2023 là 38,1 tỷ VND); số dư công nợ phải trả (Mã số 311, 312, 320) chưa được đối chiếu, xác nhận là 167,1 tỷ VND (tại ngày 31/12/2023 là 258,1 tỷ VND). Chúng tôi đã tiến hành thực hiện các thủ tục để xem xét các số dư này, tuy nhiên các thủ tục mà chúng tôi thực hiện chưa giúp chúng tôi có được đầy đủ các bằng chứng cần thiết đối với tính hiện hữu đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả này, các khoản dự phòng cần trích lập theo các quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán. Do đó, Chúng tôi không thể xác định được số liệu cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 của Tổng Công ty hay không.

Như đã trình bày tại Thuyết minh 5.2 và Thuyết minh số 4 - Chính sách kế toán các khoản đầu tư tài chính của Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính tại Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 và Công ty Cổ phần VNECO - RME được lập trên cơ sở giá trị hợp lý do Ban lãnh đạo Tổng Công ty tự xác định. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không, cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Phần thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, trong đó mô tả các vấn đề như sau:

- Như đã trình bày tại Thuyết minh 5.6 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, trong đó mô tả việc Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE tiếp quản toàn bộ khối lượng đã thực hiện, đã nghiệm thu và sẽ tiếp tục thực hiện các phần việc còn lại để hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc đã ký giữa Tổng Công ty với Công ty Cổ phần Xây dựng điện Hải Xuân, Công ty TNHH Về Nguồn, Công ty TNHH Đầu tư Lâm Thuận Phát. Tổng giá trị chuyển giao là 61.579.748.640 VND, đồng thời Tổng Công ty hạch toán giảm nợ phải thu với 3 đối tượng trên với tổng giá trị 64.398.171.902 VND, giảm giá trị dự phòng 53.550.041.972 VND và tăng phải thu Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE là 61.579.748.640 VND.
- Như đã trình bày tại Thuyết minh 7.4 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, trong đó mô tả vấn đề liên quan đến kết quả của Bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018 của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, Tổng Công ty đang làm các thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục Giám đốc thẩm. Ngày 08/02/2022, Cục thi hành án dân sự Thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Tổng Công ty.
- Như đã trình bày tại Thuyết minh 4, bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty giảm 49,78% so với năm trước; Lợi nhuận thuần của hoạt động kinh doanh trong kỳ âm 56.379.045.499 VND. Trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty có lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm 6.243.326.499 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty phụ thuộc vào khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai. Những điều kiện này, cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề nêu trên.

Vấn đề khác

Tổng Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024 theo Nghị quyết số 19/NQ/VNECO-HĐQT ngày 05/8/2024 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam về việc đơn vị kiểm toán để soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ/CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.427.626.967.158	1.481.406.054.685
(100=110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.051.018.384	9.730.295.388
1. Tiền	111		2.051.018.384	9.730.295.388
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	-	1.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	1.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		894.969.470.589	979.131.486.815
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	469.632.617.066	561.600.498.719
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	107.896.372.498	112.034.480.101
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	165.992.000.000	166.990.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	162.938.481.025	149.996.507.995
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(11.490.000.000)	(11.490.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	443.806.158.105	397.665.722.674
1. Hàng tồn kho	141		443.806.158.105	397.665.722.674
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		86.800.320.080	94.877.549.808
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		86.715.013.022	94.877.549.808
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	85.307.058	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.048.489.954.637	1.183.695.955.014
(200=210+220+230+240+250+260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.681.910.492	1.681.910.492
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	1.651.910.492	1.651.910.492
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	30.000.000	30.000.000
II. Tài sản cố định	220		227.494.520.564	238.401.582.795
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	197.112.860.412	207.827.265.915
- Nguyên giá	222		340.473.410.525	341.924.766.889
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(143.360.550.113)	(134.097.500.974)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	30.381.660.152	30.574.316.880
- Nguyên giá	228		35.236.666.848	35.236.666.848
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.855.006.696)	(4.662.349.968)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	102.393.877.459	222.760.124.834
1. Nguyên giá	231		102.393.877.459	222.760.124.834
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.13	157.303.847.838	157.123.993.638
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		79.857.851.629	79.873.851.629
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		77.445.996.209	77.250.142.009
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	559.257.164.597	562.955.804.597
1. Đầu tư vào công ty con	251		524.037.744.792	531.023.464.792
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		11.170.830.000	4.703.750.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.823.808.160	30.823.808.160
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.775.218.355)	(6.775.218.355)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	3.180.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		358.633.687	772.538.658
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	174.874.868	588.779.839
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		183.758.819	183.758.819
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.476.116.921.795	2.665.102.009.699

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

	MS	TM	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		1.510.451.416.407	1.642.886.391.735
I. Nợ ngắn hạn	310		1.413.391.062.646	1.549.845.932.186
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	248.938.177.692	372.240.368.982
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	201.538.093.436	289.171.876.876
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	5.269.221.155	10.614.273.776
4. Phải trả người lao động	314		7.580.139.737	6.502.599.136
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	75.075.962.425	17.552.422.111
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	116.360.769	272.119.491
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	12.117.300.460	15.000.547.078
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21	858.959.074.861	834.656.612.745
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.20	1.231.394.703	1.223.374.583
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.565.337.408	2.611.737.408
II. Nợ dài hạn	330		97.060.353.761	93.040.459.549
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.14	34.826.394.169	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	5.15	8.742.072.242	8.742.072.242
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.18	114.396.999	114.396.999
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.21	53.377.490.351	84.183.990.308
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		965.665.505.388	1.022.215.617.964
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.22	965.665.505.388	1.022.215.617.964
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		904.329.530.000	904.329.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		904.329.530.000	904.329.530.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.035.198.453	2.035.198.453
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.340.505.143	6.340.505.143
5. Cổ phiếu quỹ	415		(85.679.712.989)	(85.679.712.989)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.985.555.466	11.985.555.466
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		126.654.429.315	183.204.541.891
- LNST chưa phân phối lũy kế				
- đến cuối kỳ trước	421a		183.204.541.891	176.120.326.145
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(56.550.112.576)	7.084.215.746
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.476.116.921.795	2.665.102.009.699
(440 = 300+400)				

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Võ Quang



Phạm Đỗ Minh Triết

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 8 năm 2024
Tổng Giám đốc




Nguyễn Tịnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

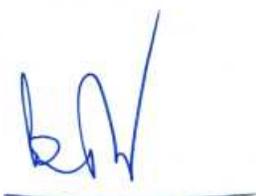
CHỈ TIÊU			Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	160.113.675.735	318.822.354.917
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		160.113.675.735	318.822.354.917
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	146.822.007.855	275.680.102.353
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		13.291.667.880	43.142.252.564
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	11.388.482.605	12.539.123.483
7. Chi phí tài chính	22	6.4	64.449.925.711	35.668.406.501
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		63.169.734.180	35.350.785.712
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	16.609.270.273	17.518.057.157
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(56.379.045.499)	2.494.912.389
11. Thu nhập khác	31	6.6	277.395.813	338.879.520
12. Chi phí khác	32	6.6	448.462.890	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(171.067.077)	338.879.520
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(56.550.112.576)	2.833.791.909
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	754.987.682
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(56.550.112.576)	2.078.804.227

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Võ Quang



Phạm Đỗ Minh Triết



Nguyễn Tịnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		108.055.986.525	585.352.589.461
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(77.407.310.142)	(426.935.989.716)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.154.178.440)	(8.893.046.097)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(11.015.283.117)	(31.076.005.931)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(5.574.385.883)	(229.563.502)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.121.205.980	7.539.708.780
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(14.269.361.422)	(14.983.584.807)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.243.326.499)	110.774.108.188
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		360.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(69.208.358.444)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.179.000.000	55.146.391.184
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(6.284.410.075)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		518.640.000	1.082.816.850
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.346.269	2.232.224.946
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.067.986.269	(17.031.335.539)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		63.958.859.727	383.175.541.030
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(70.462.897.568)	(461.367.066.245)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.504.037.841)	(78.191.525.215)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(7.679.378.071)	15.551.247.434
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	9.730.295.388	76.522.852.528
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		101.067	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5.1	2.051.018.384	92.074.099.962

HỌ TÊN: ...
 CHỨC VỤ: ...
 CHỮ KÝ: ...

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Võ Quang

Phạm Đỗ Minh Triết

Tổng Giám đốc

Nguyễn Tịnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam. Tổng Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/12/2005, đăng ký thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023 về việc thay đổi Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

Tên tiếng anh: VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION.
Tên viết tắt: VNECO.

Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023 là: 904.329.530.000 đồng
(Bằng chữ: Chín trăm lẻ bốn tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn HOSE với mã VNE. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, cổ phiếu VNE thuộc diện cảnh báo kể từ ngày 10/7/2024 theo Quyết định số 354/QĐ-SGDHCM ngày 03/7/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; cổ phiếu VNE đồng thời được theo dõi ở diện kiểm soát theo Quyết định số 168/QĐ-SGDHCM ngày 04/4/2024 và theo dõi ở diện cảnh báo theo Quyết định số 222/QĐ-SGDHCM ngày 17/4/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ trụ sở chính: 344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Số lao động của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024 là 104 người (Tại ngày 31/12/2023 là 143 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500 Kv, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng;
- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh xăng dầu;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định DA đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đầu tư và hợp đồng kinh tế; tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- Đầu tư nhà máy thủy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;
- Đầu tư tài chính;
- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh vận tải, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;

01
16
17
18
19
20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải.
- Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;
- Kinh doanh bán kẹo, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước, hóa mỹ phẩm;
- Kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Cho thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ: Xây lắp đường dây, lắp đặt trạm biến áp và kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2024, Tổng Công ty có các Công ty con, liên kết và các đơn vị phụ thuộc như sau:

<u>Công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>	<u>Tỉ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỉ lệ góp vốn</u>	<u>Tỉ lệ lợi ích</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Số 197 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Đông Vĩnh, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Xây lắp các công trình lưới điện	54,73%	54,73%	54,73%
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Số 10 Đào Duy Từ, Thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Xây lắp các công trình lưới điện	55,93%	55,93%	55,93%
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	155 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Xây lắp các công trình lưới điện	65,73%	65,73%	65,73%
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Thôn Hồng Chính, Xã Hòa Thắng, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%	100%	100%
Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng	Thôn Hồng Chính, Xã Hòa Thắng, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

<u>Công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>	<u>Tỉ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỉ lệ góp vốn</u>	<u>Tỉ lệ lợi ích</u>
Công ty Cổ phần Năng lượng VNECO	125 Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	51%	51%	51%
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	132 Cao Đức Lân, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần VNECO-RME	132 Cao Đức Lân, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	51%	38,97%	51%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Khối 3 Trung Đô, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Xây lắp các công trình lưới điện	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Khu vực 6, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Xây lắp các công trình lưới điện	47,11%	47,11%	47,11%

<u>Tên đơn vị phụ thuộc</u>	<u>Địa chỉ</u>
Khách sạn Xanh Đà Nẵng	Số 64 Hoàng Văn Thái, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng.
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	Số 337/30 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - CN Miền Bắc	10A15 Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty giảm 49,78% so với năm trước; Lợi nhuận thuần của hoạt động kinh doanh trong kỳ âm 56.379.045.499 VND. Trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty có lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ âm 6.243.326.499 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty phụ thuộc vào khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Tổng Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

- Tổng Công ty đã thực hiện các biện pháp cắt giảm các chi phí phù hợp với quy mô hoạt động.
- Tổng Công ty đã làm việc với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân về việc giải chấp các bất động sản đang cầm cố để Tổng Công ty chuyển nhượng và thanh toán nợ vay đến hạn. Số tiền giao dịch tối thiểu là 118 tỷ VND.
- Trong 6 tháng cuối năm 2024, Tổng Công ty có kế hoạch bán các bất động sản đầu tư đã được phân loại lại thành hàng hóa bất động sản tại ngày 30/6/2024 để bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là Quyền sử dụng đất, bản quyền, bằng sáng chế và phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 01 đến 04 năm.

Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Tổng Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị công trình xây dựng trên đất tại thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Số: 0
ÔN
TN
M
VI
HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoãn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 đến 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản Nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản Nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Tổng Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

101
31
HI
TO
ETI
NC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành
- Chi phí lãi vay.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Các khoản dự phòng phải trả của Tổng Công ty bao gồm: Dự phòng bảo hành công trình xây dựng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

21/2
Y
-
N
AM
/4

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận. Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Tổng Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp theo)

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp, hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.538.227.635	1.158.457.123
Tiền gửi ngân hàng	512.790.749	8.571.838.265
Tổng	2.051.018.384	9.730.295.388

5.2. Đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	-	-	1.000.000	1.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	1.000.000	1.000.000
Dài hạn	-	-	3.180.000.000	3.180.000.000
- Trái phiếu (*)	-	-	3.180.000.000	3.180.000.000
Tổng	-	-	3.181.000.000	3.181.000.000

(*) Trái phiếu Ngân hàng Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam: Mã trái phiếu BID2-19.05; mệnh giá: 10.000.000 VND/trái phiếu; số lượng: 318 trái phiếu; kỳ hạn: 10 năm; ngày phát hành 26/9/2019; lãi suất: 6,9%/năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.2. Đầu tư tài chính (Tiếp theo)

	Tỷ lệ		30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
Đầu tư vào Công ty liên kết			11.170.830.000	5.755.701.200	-	4.703.750.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 (i) (*)	49,00%	49,00%	6.467.080.000	5.755.701.200	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10 (ii)	47,11%	47,11%	4.703.750.000	(ii)	-	4.703.750.000 (ii)
Đầu tư vào đơn vị khác			30.823.808.160	1.965.300	(2.320.900.522)	30.823.808.160
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 1 (i)			179.472	74.000	-	179.472
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9 (i)			916.740	207.900	-	916.740
- Công ty Cổ phần chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM (i)			1.913.808	696.800	-	1.913.808
- Công ty Cổ phần Sông Ba (ii)			48.140	236.600	-	48.140
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hải Xuân VNECO (ii)	3,63%	3,63%	30.820.000.000	(ii)	(2.320.900.522)	30.820.000.000 (ii)
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2 (i)			750.000	750.000	-	750.000
Tổng			566.032.382.952	160.845.638.800	(6.775.218.355)	566.551.022.952
						166.030.980.660
						(6.775.218.355)

(*) Ngày 30/8/2023, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã có Nghị quyết số 23 NQ/VNECO-HĐQT về việc thống nhất chủ trương bán một phần vốn đầu tư của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam tại Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3. Số cổ phần sẽ bán: 51.864 cổ phần tương ứng 3,93% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3; Phương thức bán: Thỏa thuận hoặc khớp lệnh trên sàn HNX. Theo đó, sau khi hoàn thành việc bán một phần vốn đầu tư thì tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 sẽ còn lại là 646.708 cổ phần tương đương 49% vốn điều lệ Công ty. Thời gian thực hiện: tháng 9 đến tháng 10 năm 2023. Nghị quyết số 07 NQ/VNECO-HĐQT ngày 27/2/2024 của Hội đồng Quản trị gia hạn thời gian thực hiện Nghị quyết 23 NQ/VNECO-HĐQT đến tháng 5 năm 2024.

Ngày 20/6/2024, Tổng Công ty đã bán 51.864 cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3; theo đó kể từ ngày 20/6/2024, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 không còn là Công ty con của Tổng Công ty, tỷ lệ vốn nắm giữ của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024 là 49,00% (tại ngày 01/01/2024 là 52,93%).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.2. Đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày:

- (i) Tổng Công ty đã xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày 28/6/2024 và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.
- (ii) Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và Công ty con, liên kết trong kỳ được trình bày tại thuyết minh số 7.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.3. Phải thu khách hàng

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	469.632.617.066	561.600.498.719
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	46.535.638.109	51.713.979.008
Công ty Cổ phần thương mại REENIZE	152.598.272.734	155.258.272.734
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	32.108.267.648	36.876.944.762
Công ty Cổ phần công nghệ 3T & NET	48.153.000.000	26.853.000.000
Công ty Cổ phần VINATEKCOM	43.193.000.000	24.893.000.000
Phải thu các đối tượng khác	147.044.438.575	266.005.302.215
Dài hạn	1.651.910.492	1.651.910.492
Công ty Cổ phần Xây Dựng Điện VNECO 3	409.683.406	409.683.406
Công ty Cổ phần Xây Dựng Điện VNECO 8	468.538.130	468.538.130
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	773.688.956	773.688.956
Tổng	471.284.527.558	563.252.409.211
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>17.878.376.458</i>	<i>21.638.865.033</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>		

(*) Giá trị quyền đòi nợ các khoản phải thu dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30/6/2024 là 444.483.733.153 VND (tại ngày 31/12/2023 là 490.348.598.829 VND).

5.4. Trả trước cho người bán

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	107.896.372.498	112.034.480.101
Bộ chỉ huy quân sự - TP Đà Nẵng (*)	25.493.022.727	25.493.022.727
Công ty cổ phần VNECO-RME	30.663.697.857	31.300.861.253
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	8.193.663.013	9.831.273.382
Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thái Sơn	9.846.612.982	9.846.612.982
Công ty Cổ Phần Cấp Điện Thịnh Phát	9.127.451.125	9.127.451.125
Trả trước cho người bán khác	24.571.924.794	26.435.258.632
Tổng	107.896.372.498	112.034.480.101
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước cho người bán</i>	<i>41.966.909.665</i>	<i>44.106.683.430</i>
<i>là các bên liên quan</i>		
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>		

(*) Khoản trả trước liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.5. Phải thu về cho vay

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Điện Gió Thuận Nhiên Phong 1 (1)	165.992.000.000	166.990.000.000
Công ty cổ phần VNECO-RME (2)	152.192.000.000	153.190.000.000
Các đối tượng khác	9.550.000.000	9.550.000.000
	4.250.000.000	4.250.000.000
Tổng	165.992.000.000	166.990.000.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu về cho vay là các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>165.792.000.000</i>	<i>166.790.000.000</i>

- (1) Hợp đồng thu xếp vốn số 01/2022/HĐTXV/VNE-THUANNHIENPHONG ngày 20/01/2022 và Phụ lục hợp đồng số 01/2022/PLHĐTXV/VNE-TNP ngày 01/7/2022 với Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1; thời hạn hợp đồng không quá 24 tháng; lãi suất 15%/năm; Tài sản đảm bảo: khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (2) Hợp đồng thu xếp vốn số 01/2022/HĐTXV/VNE-RME ngày 28/3/2022 với Công ty Cổ phần VNECO-RME và Phụ lục gia hạn hợp đồng; thời hạn: 12 tháng; hợp đồng không có lãi; Tài sản đảm bảo: khoản vay không có tài sản đảm bảo.

5.6. Phải thu khác

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Tạm ứng	162.938.481.025	(11.490.000.000)	149.996.507.995	(11.490.000.000)
- Ký cược, ký quỹ	31.248.616.881	-	31.086.280.164	-
- Phải thu khác	143.197.006	-	309.598.788	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà	131.546.667.138	(11.490.000.000)	118.600.629.043	(11.490.000.000)
Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE (*)	11.490.000.000	(11.490.000.000)	11.490.000.000	(11.490.000.000)
Công ty TNHH Điện Gió Thuận Nhiên Phong 1	61.579.748.641	-	61.579.748.640	-
Phải thu khác	48.665.668.683	-	36.973.316.391	-
	9.811.249.814	-	8.557.564.012	-
Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	30.000.000	-	30.000.000	-
	30.000.000	-	30.000.000	-
Tổng	162.968.481.025	(11.490.000.000)	150.026.507.995	(11.490.000.000)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác là các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>57.369.908.303</i>	<i>-</i>	<i>44.576.875.567</i>	<i>-</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.6 Phải thu khác (Tiếp theo)

(*) Tổng Công ty đã ký hợp đồng số 08/2022/HĐXL-VNECO-REENIZE ngày 30/12/2022 để bàn giao công việc đang thực hiện cho Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE. Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE tiếp quản toàn bộ khối lượng đã thực hiện, đã nghiệm thu và sẽ tiếp tục thực hiện các phần việc còn lại để hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc đã ký giữa Tổng Công ty với Công ty Cổ phần Xây dựng điện Hải Xuân, Công ty TNHH Về Nguồn, Công ty TNHH Đầu tư Lâm Thuận Phát. Tổng giá trị chuyển giao là 61.579.748.640 VND, đồng thời Tổng Công ty hạch toán giảm nợ phải thu với 3 đối tượng trên với tổng giá trị 64.398.171.902 VND, giảm giá trị dự phòng 53.550.041.972 VND và tăng phải thu Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE là 61.579.748.640 VND.

5.7. Nợ xấu

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	11.490.000.000	-	11.490.000.000	-
Dự phòng phải thu khó đòi	11.490.000.000	-	11.490.000.000	-
<i>Trong đó:</i>	Quá hạn 6 tháng - 1 năm	Quá hạn 1 - 2 năm	Quá hạn 2 - 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà	-	-	-	11.490.000.000
Tổng	-	-	-	11.490.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.8. Hàng tồn kho

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.986.700	-	3.986.700	-
Công cụ, dụng cụ	1.530.442.700	-	1.530.442.700	-
Chi phí SX KDDD	321.896.161.436	-	396.122.646.522	-
- Công trình ĐZ 500kV Quảng Trạch - Đốc Sỏi	27.240.480.373	-	27.120.417.668	-
- Công trình ĐZ 220kV đấu nối DA Điện gió Cà Mau 1 vào lưới điện Quốc Gia	78.644.913.618	-	141.313.538.931	-
- Công trình TBA GIS 220kV DA Điện gió Cà Mau 1	28.085.940.778	-	27.962.901.091	-
- Công trình ĐZ 220kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ	15.860.192.718	-	7.021.722.934	-
- Công trình ĐZ 500kV Đức Hòa - Chơn Thành (Lô 5.3)	12.353.837.209	-	11.468.523.900	-
- Công trình TBA 220kV Tam Phước (Gói 11)	12.054.219.525	-	11.682.969.525	-
- Dự án Bệnh viện Chợ Rẫy	12.606.650.999	-	12.606.650.999	-
- Công trình khác	135.049.926.216	-	156.945.921.474	-
Hàng hóa	9.319.894	-	8.646.752	-
Hàng hóa bất động sản (*)	120.366.247.375	-	-	-
Tổng	443.806.158.105	-	397.665.722.674	-

(*) Giá trị hàng hóa bất động sản dùng để thế chấp các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam tại 30/6/2024: 120.366.247.375 VND. Chi tiết hàng hóa bất động sản dùng để thế chấp các khoản vay Ngân hàng là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại các địa điểm sau:

- Số 125 Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 219C Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 129D Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.9. Chi phí trả trước

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dài hạn	174.874.868	588.779.839
Công cụ dụng cụ xuất dùng	106.634.791	588.779.839
Chi phí sửa chữa	20.785.224	-
Chi phí bảo hiểm	47.454.853	-
Tổng	174.874.868	588.779.839

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2024	74.620.099.384	233.958.184.580	32.467.606.788	878.876.137	341.924.766.889
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	1.451.356.364	-	1.451.356.364
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.451.356.364	-	1.451.356.364
Số dư tại 30/6/2024	<u>74.620.099.384</u>	<u>233.958.184.580</u>	<u>31.016.250.424</u>	<u>878.876.137</u>	<u>340.473.410.525</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2024	43.430.389.331	74.381.349.787	15.789.261.559	496.500.297	134.097.500.974
Tăng trong kỳ	1.785.337.804	7.417.821.610	1.339.799.220	2.121.955	10.545.080.589
Khấu hao trong kỳ	1.785.337.804	7.417.821.610	1.339.799.220	2.121.955	10.545.080.589
Giảm trong kỳ	-	-	1.282.031.450	-	1.282.031.450
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.282.031.450	-	1.282.031.450
Số dư tại 30/6/2024	<u>45.215.727.135</u>	<u>81.799.171.397</u>	<u>15.847.029.329</u>	<u>498.622.252</u>	<u>143.360.550.113</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2024	<u>31.189.710.053</u>	<u>159.576.834.793</u>	<u>16.678.345.229</u>	<u>382.375.840</u>	<u>207.827.265.915</u>
Tại ngày 30/6/2024	<u>29.404.372.249</u>	<u>152.159.013.183</u>	<u>15.169.221.095</u>	<u>380.253.885</u>	<u>197.112.860.412</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2024 là 50.196.274.924 VND (tại ngày 01/01/2024 là 47.945.201.346 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/6/2024 là 187.784.731.989 VND (tại ngày 01/01/2024 là 207.562.377.070 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm tin học	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2024	34.637.380.528	50.086.320	549.200.000	35.236.666.848
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2024	<u>34.637.380.528</u>	<u>50.086.320</u>	<u>549.200.000</u>	<u>35.236.666.848</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2024	4.063.081.648	50.086.320	549.182.000	4.662.349.968
Tăng trong kỳ	192.638.728	-	18.000	192.656.728
Khấu hao trong kỳ	192.638.728	-	18.000	192.656.728
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2024	<u>4.255.720.376</u>	<u>50.086.320</u>	<u>549.200.000</u>	<u>4.855.006.696</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2024	<u>30.574.298.880</u>	-	<u>18.000</u>	<u>30.574.316.880</u>
Tại ngày 30/6/2024	<u>30.381.660.152</u>	-	-	<u>30.381.660.152</u>

Quyền sử dụng đất bao gồm các thửa đất có Giấy chứng nhận như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 185623 ngày 14/11/2012 thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 118 tại số 64 đường Hoàng Văn Thái, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng với diện tích 6.568,6 m², nguyên giá 19.277.284.289 VND, thời gian sử dụng đất đến 13/11/2062;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 634777 ngày 14/12/2017 thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 5-22 tại xã An Vĩnh Ngãi, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An với diện tích 615 m², nguyên giá 1.335.095.636 VND, thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 161263 ngày 11/3/2011 thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 09 tại phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị với diện tích 136 m², nguyên giá 3.015.000.000 VND, thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 086817 ngày 18/6/2001 thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 09 tại phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị với diện tích 140 m², nguyên giá 3.015.000.000 VND, thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 1074673 ngày 20/7/2011 thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 88 tại Khu đô thị sinh thái ven sông Hòa Xuân – giai đoạn 2, Phường Hòa Xuân, Huyện Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng với diện tích 179,1 m², nguyên giá 7.995.000.000 VND, thời gian sử dụng đất lâu dài.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2024 là 599.286.320 VND (tại ngày 01/01/2024 là 599.286.320 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/6/2024 là 15.021.564.517 VND (tại ngày 01/01/2024 là 15.360.095.636 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.12. Tăng, giảm Bất động sản đầu tư

Khoản mục	01/01/2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/6/2024
	VND	VND	VND	VND
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	222.760.124.834	-	120.366.247.375	102.393.877.459
- Quyền sử dụng đất	219.211.090.842	-	119.143.143.375	100.067.947.467
- Cơ sở hạ tầng	3.549.033.992	-	1.223.104.000	2.325.929.992
Tồn thất do suy giảm giá trị	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại	222.760.124.834	-	120.366.247.375	102.393.877.459
- Quyền sử dụng đất	219.211.090.842	-	119.143.143.375	100.067.947.467
- Cơ sở hạ tầng	3.549.033.992	-	1.223.104.000	2.325.929.992

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024 bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nắm giữ với mục đích chờ tăng giá tại các địa điểm sau:

- Số 153/6 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 157/6 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 167 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 173/3 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 173/11/6 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 173/11/7 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 11/01/2024 về việc quan hệ tín dụng và các nội dung liên quan Ngân hàng của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty: Nhằm phối hợp với Ngân hàng trong việc thực hiện các nội dung tái cơ cấu doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty thống nhất chuyển nhượng 03 tài sản là Bất động sản tại đường Nguyễn Đình Chính tại Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2024. Do đó, trong kỳ Tổng Công ty đã điều chỉnh giảm giá trị các bất động sản này sang khoản mục hàng tồn kho để phục vụ mục đích bán trong tương lai.

Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/6/2024 là 102.393.877.459 VND (tại ngày 01/01/2024 là 222.760.124.834 VND).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2024 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý cho toàn bộ bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2024 do chưa thu thập đủ thông tin về thị trường để phục vụ cho mục đích xác định giá trị hợp lý.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.13. Tài sản dở dang dài hạn

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn				
Khu đô thị mới Mỹ Thượng	79.857.851.629	-	79.873.851.629	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang				
Dự án siêu thị Greenmart (*)	72.416.851.673	-	72.416.851.673	-
Các dự án khác	5.029.144.536	-	4.833.290.336	-
Tổng	157.303.847.838	-	157.123.993.638	-

(*) Dự án siêu thị Greenmart - Đà Nẵng hiện đang được cầm cố theo hợp đồng cầm cố tài sản số 01/2019/242753/HĐBĐ giữa Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

5.14. Phải trả người bán

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	248.938.177.692	248.938.177.692	372.240.368.982	372.240.368.982
Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh thép Thăng Lợi	4.712.618.423	4.712.618.423	15.028.200.638	15.028.200.638
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Cát Tường	10.393.282.882	10.393.282.882	78.433.183.764	78.433.183.764
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Sao Việt Linh	797.297.853	797.297.853	34.237.969	34.237.969
Công ty Cổ phần Sao Thái Sơn	-	-	43.823.893.768	43.823.893.768
Công ty TNHH GE Việt Nam	19.084.778.744	19.084.778.744	19.084.778.744	19.084.778.744
Công ty Cổ phần Xây Dựng Điện VNECO 3	12.047.090.338	12.047.090.338	8.295.322.105	8.295.322.105
Công ty Cổ phần Xây Dựng Điện VNECO 4	12.379.366.449	12.379.366.449	9.894.400.835	9.894.400.835
Công ty Cổ phần Xây Dựng Điện VNECO 12	16.133.849.309	16.133.849.309	17.679.254.595	17.679.254.595
Các đối tượng khác	173.389.893.694	173.389.893.694	179.967.096.564	179.967.096.564
b. Dài hạn	34.826.394.169	34.826.394.169	-	-
Công ty Cổ phần Sao Thái Sơn	6.957.506.144	6.957.506.144	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Cát Tường	27.868.888.025	27.868.888.025	-	-
Tổng	283.764.571.861	283.764.571.861	372.240.368.982	372.240.368.982

Trong đó:

Phải trả cho người bán là các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

	56.783.501.197	56.783.501.197	54.358.503.776	54.358.503.776
--	----------------	----------------	----------------	----------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.15. Người mua trả tiền trước

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	201.538.093.436	289.171.876.876
Công ty Cổ phần Xây dựng & Phát triển Cơ sở Hạ tầng số 9 Hà Nội	108.947.225.373	193.799.236.201
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	21.161.106.645	20.184.361.468
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	12.124.582.206	12.124.582.206
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	13.817.435.088	14.395.257.773
Ban QLDA lưới điện miền Trung - TCT điện lực miền Trung	13.876.624.811	14.798.199.155
Các khoản người mua trả tiền trước khác	31.611.119.313	33.870.240.073
Dài hạn	8.742.072.242	8.742.072.242
Công ty Cổ phần Malblue	8.742.072.242	8.742.072.242
Tổng	210.280.165.678	297.913.949.118

*Trong đó:**Người mua trả tiền trước**là các bên liên quan**(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)**1.340.000.000**10.082.072.242***5.16. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước**

	01/01/2024 VND	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2024 VND
Phải nộp	10.614.273.776	791.822.185	6.136.874.806	5.269.221.155
Thuế giá trị gia tăng	-	305.758.724	32.996.818	272.761.906
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.435.015.854	-	5.574.385.883	4.860.629.971
Thuế thu nhập cá nhân	179.257.922	1.500.000	44.928.644	135.829.278
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	436.306.621	436.306.621	-
Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	41.256.840	41.256.840	-
Phải thu	-	196.794.647	282.101.705	85.307.058
Thuế giá trị gia tăng	-	196.794.647	282.101.705	85.307.058

5.17. Chi phí phải trả

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	75.075.962.425	17.552.422.111
Trích trước chi phí lãi vay	52.470.567.754	1.961.403.997
Trích trước chi phí công trình	20.431.958.575	13.179.350.018
Các khoản khác	2.173.436.096	2.411.668.096
Tổng	75.075.962.425	17.552.422.111

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.18. Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	116.360.769	272.119.491
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến bán hàng trả chậm, trả góp	116.360.769	272.119.491
Dài hạn	114.396.999	114.396.999
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến bán hàng trả chậm, trả góp	114.396.999	114.396.999
Tổng	230.757.768	386.516.490

5.19. Phải trả khác

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	12.117.300.460	15.000.547.078
Kinh phí công đoàn	773.339.199	668.534.835
Bảo hiểm xã hội	949.431.113	466.113.039
Bảo hiểm y tế	36.703.037	-
Bảo hiểm thất nghiệp	45.302.424	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	993.867.100	993.867.100
Phải trả, phải nộp khác	9.318.657.587	12.872.032.104
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12</i>	<i>570.789.312</i>	<i>454.681.033</i>
<i>Hà Thị Hòa Bình</i>	<i>1.484.498.631</i>	<i>1.088.778.083</i>
<i>Nguyễn Anh Tuấn</i>	<i>-</i>	<i>3.254.999.998</i>
<i>Phạm Đỗ Minh Triết</i>	<i>1.060.000.000</i>	<i>3.851.000.000</i>
<i>Trần Thị Lan Hương</i>	<i>983.877.041</i>	<i>983.877.041</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>5.219.492.603</i>	<i>3.238.695.949</i>
Tổng	12.117.300.460	15.000.547.078

Trong đó:

Phải trả các bên liên quan*(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)*

1.630.789.312

7.560.681.031

5.20. Dự phòng phải trả

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	1.231.394.703	1.223.374.583
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.231.394.703	1.223.374.583
Tổng	1.231.394.703	1.223.374.583

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.21. Vay và nợ tài chính

	30/6/2024 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngân hạn	858.959.074.861	858.959.074.861	119.624.701.937	95.322.239.821	834.656.612.745	834.656.612.745
<i>1. Vay ngắn hạn</i>	<i>729.429.101.494</i>	<i>729.429.101.494</i>	<i>56.852.859.729</i>	<i>95.292.239.821</i>	<i>767.868.481.586</i>	<i>767.868.481.586</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam- CN Hải Vân (1)	399.462.540.813	399.462.540.813	37.863.840.539	49.334.748.883	410.933.449.157	410.933.449.157
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Sở giao dịch	10.560.383.388	10.560.383.388	-	433.245.342	10.993.628.730	10.993.628.730
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội (2)	80.010.288.086	80.010.288.086	-	11.844.903.343	91.855.191.429	91.855.191.429
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 4 Hồ Chí Minh (3)	158.365.314.400	158.365.314.400	7.331.527.659	3.360.000.000	154.393.786.741	154.393.786.741
VETOTRADE MANAGEMENT LIMITED COMPANY (4)	30.968.963.796	30.968.963.796	1.280.191.531	-	29.688.772.265	29.688.772.265
Công ty Cổ phần Malblue	-	-	-	15.494.967.255	15.494.967.255	15.494.967.255
Các đối tượng khác (6)	50.061.611.011	50.061.611.011	10.377.300.000	14.824.374.998	54.508.686.009	54.508.686.009
2. Vay dài hạn đến hạn trả	129.529.973.367	129.529.973.367	62.771.842.208	30.000.000	66.788.131.159	66.788.131.159
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam- CN Hải Vân (5)	129.529.973.367	129.529.973.367	62.771.842.208	30.000.000	66.788.131.159	66.788.131.159
b. Dài hạn	53.377.490.351	53.377.490.351	31.965.342.251	62.771.842.208	84.183.990.308	84.183.990.308
<i>Vay dài hạn</i>	<i>53.377.490.351</i>	<i>53.377.490.351</i>	<i>31.965.342.251</i>	<i>62.771.842.208</i>	<i>84.183.990.308</i>	<i>84.183.990.308</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam- CN Hải Vân (5)	1.412.148.100	1.412.148.100	-	62.771.842.208	64.183.990.308	64.183.990.308
Lê Minh Tâm	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Các đối tượng khác (6)	31.965.342.251	31.965.342.251	31.965.342.251	-	-	-
Tổng	912.336.565.212	912.336.565.212	151.590.044.188	158.094.082.029	918.840.603.053	918.840.603.053
<i>Trong đó:</i>						
<i>Vay các bên liên quan</i>	<i>19.814.939.759</i>	<i>19.814.939.759</i>	<i>4.160.800.000</i>	<i>-</i>	<i>31.149.107.014</i>	<i>31.149.107.014</i>

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.21. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán tại ngày 30/6/2024 như sau:

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
Vay				
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Sở giao dịch	10.560.372.725	576.892.347	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội	6.996.897.769	560.793.442	-	-
Tổng	17.557.270.494	1.137.685.789	-	-

(1) Tổng Công ty vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 03/2023/242753/HĐTD ngày 22/12/2023;

Hạn mức tín dụng : 691.000.000 VND;

Thời hạn cấp hạn mức : kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/11/2024;

Lãi suất : được xác định trong từng trường hợp cụ thể;

Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

Biện pháp bảo đảm : Tài sản cố định, bất động sản và các tài sản khác theo các hợp đồng bảo đảm với Ngân hàng.

(2) Tổng Công ty vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BCLC-1498-01 ngày 30/11/2023;

Hạn mức tín dụng : 250.000.000 VND;

Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng từ ngày ký Hợp đồng. Thời hạn vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;

Lãi suất : được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;

Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động (cho vay, phát hành bảo lãnh, LC) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

Biện pháp bảo đảm : Quyền đòi nợ từ các hợp đồng đầu ra, cầm cố, thế chấp bằng các hợp đồng tiền gửi và Trái phiếu thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty và các biện pháp, tài sản bảo đảm khác theo các hợp đồng bảo đảm với Ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.21. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(3) Tổng Công ty vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN 4 Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT908-TCTVNECO ngày 10/01/2023:

Hạn mức tín dụng : 200.000.000.000 VND;

Thời hạn cấp hạn mức : từ ngày 10/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023;

Lãi suất : được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;

Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;

Đảm bảo tiền vay : Theo các hợp đồng thế chấp tài sản cụ thể sau:

- Các phương tiện vận tại theo các hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/HĐBĐ/NHCT909-VNE ngày 29/04/2022 và 02/2022/HĐBĐ/NHCT909-VNE ngày 29/04/2022 với tổng giá trị tài sản đảm bảo thế chấp lần lượt là 819.000.000 VND và 4.095.000.000 VND;
- Quyền đòi nợ/Các khoản phải thu theo các Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản;
- Bất động sản theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 201/2022/HĐBĐ/NHCT908-VNE ngày 07/06/2022 với tổng giá trị tài sản đảm bảo thế chấp là 7.414.000.000 VND;
- Bất động sản theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 202/2022/HĐBĐ/NHCT908-VNE ngày 07/06/2022 với tổng giá trị tài sản đảm bảo thế chấp là 12.916.100.000 VND;
- Bất động sản theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 06/2022/HĐBĐ/NHCT908-VNE ngày 19/07/2022 và Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 07/2022/HĐBĐ/NHCT908-VNE ngày 14/10/2022.

(4) Tổng Công ty vay ngắn hạn Vetotrade Management Limited Company theo Hợp đồng vay từng lần:

Số tiền : theo từng hợp đồng cụ thể;

Thời hạn cho vay : không quá 40 ngày đến 60 ngày;

Lãi suất : Từ 13,5%/ năm đến 14%/năm.

Mục đích vay : Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

Đảm bảo tiền vay : Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.21. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(5) Tổng Công ty vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo các hợp đồng sau:

a) Hợp đồng số 03/2020/242753/HĐTD ngày 16/10/2020:

Số tiền vay : 4.800.000.000 VND;

Thời hạn vay : 60 tháng kể từ ngày giải ngân;

Lãi suất : năm đầu tiên lãi suất cố định 8,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất thả nổi được quy định như sau: bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VNĐ kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau niêm yết tại ngân hàng + phí 3,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần;

Mục đích vay : Đầu tư mua xe ô tô BMW 740 Li phục vụ điều hành.

b) Hợp đồng số 04/2020/242753/HĐTD ngày 22/10/2020:

Số tiền vay : 19.700.000.000 VND;

Thời hạn vay : 60 tháng kể từ ngày giải ngân;

Lãi suất : năm đầu tiên lãi suất cố định 8,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất thả nổi được quy định như sau: bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VNĐ kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau niêm yết tại ngân hàng + phí 3,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần;

Mục đích vay : Đầu tư dự án "Mua sắm thiết bị thi công kéo dây không chạm đất".

c) Hợp đồng số 05/2020/242753/HĐTD ngày 15/10/2020:

Số tiền vay : 5.500.000.000 VND;

Thời hạn vay : 60 tháng kể từ ngày giải ngân;

Lãi suất : năm đầu tiên lãi suất cố định 8,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất thả nổi được quy định như sau: bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VNĐ kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau niêm yết tại ngân hàng + phí 3,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần;

Mục đích vay : Đầu tư trụ sở văn phòng Công ty TNHH MTV Vneco Miền Trung.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.2.1. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

d) Hợp đồng số 01/2021/242753/HĐTD ngày 08/02/2021:

Số tiền vay : 175.000.000.000 VND;

Thời hạn vay : 48 tháng kể từ ngày cấp tin dụng đầu tiên;

Lãi suất : năm đầu tiên lãi suất cố định 8,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất thả nổi được quy định như sau: bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VNĐ kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau niêm yết tại ngân hàng + phí 3,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần;

Mục đích vay : Đầu tư trụ sở văn phòng Công ty TNHH MTV Vneco Miền Trung.

Biện pháp bảo đảm : Tài sản cố định, bất động sản, giá trị hình thành trong tương lai dự án siêu thị Greenmart và các tài sản khác theo các hợp đồng bảo đảm với Ngân hàng.

(6) Vay các cá nhân, tổ chức khác theo các hợp đồng vay cụ thể: Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; Thời hạn vay từ 06 đến 24 tháng; Lãi suất từ 8,5% đến 12%.

5.2.2. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**a. Biến động vốn chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>						
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	904.329.530.000	2.522.600.000	6.340.505.143	(86.919.236.536)	11.985.555.466	176.442.518.783	1.014.701.472.856
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	7.084.215.746	7.084.215.746
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(322.192.638)	(322.192.638)
Bán cổ phiếu quỹ	-	(487.401.547)	-	1.239.523.547	-	-	752.122.000
Số dư tại 31/12/2023	904.329.530.000	2.035.198.453	6.340.505.143	(85.679.712.989)	11.985.555.466	183.204.541.891	1.022.215.617.964
Số dư tại 01/01/2024	904.329.530.000	2.035.198.453	6.340.505.143	(85.679.712.989)	11.985.555.466	183.204.541.891	1.022.215.617.964
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	(56.550.112.576)	(56.550.112.576)
Số dư tại 30/6/2024	904.329.530.000	2.035.198.453	6.340.505.143	(85.679.712.989)	11.985.555.466	126.654.429.315	965.665.505.388

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.22. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Vốn góp của các cổ đông	818.649.817.011	818.649.817.011
Cổ phiếu quỹ	85.679.712.989	85.679.712.989
Tổng	904.329.530.000	904.329.530.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	904.329.530.000	904.329.530.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	904.329.530.000	904.329.530.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.432.953	90.432.953
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.432.953	90.432.953
Cổ phiếu phổ thông	90.432.953	90.432.953
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	8.377.720	8.377.720
Cổ phiếu phổ thông	8.377.720	8.377.720
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	82.055.233	82.055.233
Cổ phiếu phổ thông	82.055.233	82.055.233
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

11/5
/ TY
H
: AI
: NA
/ 11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.23. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ**a. Ngoại tệ**

	30/6/2024	01/01/2024
Ngoại tệ các loại		
USD	47,43	73,83

b. Nợ khó đòi đã xử lý

Tên đối tượng	Năm xử lý	Giá trị VND
Ông Lâm Phúc Lâm và Bà Lã Thị Thùy Vân	2021	66.520.858.333
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà	2021	32.027.715.546
Các đối tượng khác	2021	8.890.162.851
Tổng		107.438.736.730

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	139.410.520.526	160.886.332.601
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	20.703.155.209	157.936.022.316
Tổng	160.113.675.735	318.822.354.917

*Trong đó:**Doanh thu với các bên liên quan**(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)*

- 2.309.633.748

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	138.777.650.706	155.343.452.253
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	8.044.357.149	120.336.650.100
Tổng	146.822.007.855	275.680.102.353

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.232.622.816	12.218.900.050
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	7.000
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	155.758.722	234.633.283
Doanh thu hoạt động tài chính khác	101.067	85.583.150
Tổng	11.388.482.605	12.539.123.483
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu tài chính với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>11.378.035.269</i>	<i>9.846.797.529</i>

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền vay	63.169.734.180	35.350.785.712
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối kỳ	1.280.191.531	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	317.620.789
Tổng	64.449.925.711	35.668.406.501
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí tài chính với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>116.108.279</i>	<i>143.949.773</i>

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.694.018.952	9.437.720.324
Chi phí đồ dùng văn phòng	560.880.815	605.108.990
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.524.872.979	3.820.020.774
Thuế phí và lệ phí	651.348.911	8.847.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	231.462.717	1.545.230.879
Chi phí bằng tiền khác	946.685.899	2.101.128.590
Tổng	16.609.270.273	17.518.057.157

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Thu nhập khác		
Lãi thuần từ thanh lý tài sản cố định	157.947.813	338.879.467
Thanh lý, nhượng bán vật tư	119.000.000	-
Các khoản khác	448.000	53
Tổng	277.395.813	338.879.520
Chi phí khác		
Lãi chậm nộp thuế, chậm nộp BHXH	448.462.890	-
Tổng	448.462.890	-
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(171.067.077)	338.879.520
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thu nhập khác với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	-	289.379.467

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(56.550.112.576)	2.833.791.909
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm	51.608.070.379	941.146.500
<i>Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát không tham gia điều hành</i>	<i>696.000.000</i>	<i>581.273.000</i>
<i>Các khoản phạt chậm nộp thuế, BHXH</i>	<i>513.527.470</i>	<i>9.701.000</i>
<i>Chi phí khấu hao xe ô tô phần nguyên giá trên 1,6 tỷ VND</i>	<i>350.172.500</i>	<i>350.172.500</i>
<i>Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020</i>	<i>50.048.370.409</i>	<i>-</i>
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	(4.942.042.197)	3.774.938.409
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	754.987.682

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.583.887.326	63.630.913.146
Chi phí nhân công	9.687.425.448	12.868.087.132
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.737.737.317	10.171.066.773
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.833.626.660	166.008.573.740
Chi phí khác bằng tiền	5.693.108.126	6.937.646.487
Tổng	92.535.784.877	259.616.287.278

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Công ty có các bên liên quan như sau:

STT	Các bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Công ty con
2	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Công ty con
3	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	Công ty con
4	Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Công ty con
5	Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng	Công ty con
6	Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	Công ty con
7	Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Công ty con
8	Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Công ty con
9	Công ty Cổ phần Năng lượng VNECO	Công ty con
10	Công ty Cổ phần VNECO - RME	Công ty con
11	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Công ty liên kết
12	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết
13	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Nội dung	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Lương, thù lao	2.632.955.949	2.275.008.279

J.N:
CÔ
T
IÊM
A.V
H.A

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
		VND	VND
Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	420.000.000	420.000.000
Phạm Phú Mai	Phó Chủ tịch HĐQT	240.000.000	42.000.000
Đào Ngọc Quỳnh	Phó Chủ tịch HĐQT	240.000.000	240.000.000
Trần Quang Cần	Thành viên HĐQT	42.000.000	253.968.650
Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT	42.000.000	42.000.000
Tổng		984.000.000	997.968.650

Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
		VND	VND
Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng BKS	150.000.000	150.000.000
Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Nguyên Thành viên BKS	-	24.000.000
Nguyễn Đức Thương	Thành viên BKS	24.000.000	-
Nguyễn Thị Như	Thành viên BKS	24.000.000	24.000.000
Tổng		198.000.000	198.000.000

Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
		VND	VND
Nguyễn Tịnh	Tổng Giám đốc	400.536.707	352.328.077
Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc	253.777.873	252.055.305
Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc	253.786.461	222.860.077
Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc	252.741.828	251.796.170
Nguyễn Văn Quảng	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 02/01/2024)	230.113.080	-
Đỗ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 02/01/2024)	60.000.000	-
Tổng		1.450.955.949	1.079.039.629

010,
IG T
HT
TO/
ETN
NỘI

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**b. Giao dịch với các bên liên quan**

	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Cho vay				
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Công ty con	Cho vay	-	34.600.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Công ty con	Cho vay	-	34.000.000.000
				600.000.000
Vay				
Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc	Vay tiền	4.160.800.000	5.743.444.954
Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng	Vay tiền	39.800.000	-
Công ty Cổ phần VNECO - RME	Công ty con	Vay tiền	4.121.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết	Vay tiền	-	1.081.477.694
Công ty Cổ phần Malblue (*)	Công ty có chung nhân sự quản lý chủ chốt	Vay tiền	-	200.000.000
			(*)	4.461.967.260
Bán hàng				
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Công ty con	Bán hàng	-	2.309.633.748
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Công ty con	Bán hàng	-	45.900.000
				2.263.733.748
Mua hàng				
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Công ty liên kết	Giá trị xây lắp hoàn thành	26.442.394.074	86.330.337.661
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Công ty con	Giá trị xây lắp hoàn thành	3.522.983.549	15.054.883.834
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Công ty con	Mua hàng	6.625.331.114	11.454.778.149
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	Công ty con	Giá trị xây lắp hoàn thành	-	10.029
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Công ty con	Giá trị xây lắp hoàn thành	6.619.652.925	4.530.988.790
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	Công ty con	Mua hàng	-	34.019.317.973
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Công ty con	Giá trị xây lắp hoàn thành	1.108.425.817	6.819.229.751
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Công ty con	Giá trị xây lắp hoàn thành	6.375.340.647	2.734.542.133
Công ty Cổ phần VNECO - RME	Công ty con	Mua hàng	-	350.344.854
		Giá trị xây lắp hoàn thành	2.190.660.022	11.366.242.148

VIỆT NAM - 2024

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

- 7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**
b. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi cho vay và bán hàng trả chậm	11.378.035.269	9.846.797.529
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	91.172.634	112.577.179
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	47.244.121	72.036.954
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	11.017.962.849	9.456.141.233
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	67.204.981	99.608.191
Công ty TNHH Dầu tự VNECO	-	83.075.068
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	154.450.684	23.358.904
Lãi vay	116.108.279	143.949.773
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	-	28.479.452
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	116.108.279	115.470.321
Thu nhập khác	-	289.379.467
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	-	289.379.467
Giao dịch khác	739.403.749	1.420.561.901
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	695.783.363	1.280.407.201
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	43.620.386	140.154.700

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Số dư với các bên liên quan**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu khách hàng	17.878.376.458	21.638.865.033
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>	<i>16.226.465.966</i>	<i>19.986.954.541</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	221.446.843	453.883.491
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	68.594.957	68.594.957
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	631.586.481	939.574.760
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	487.343.713	487.343.713
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	338.741.874	693.223.307
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	14.478.752.098	17.344.334.313
Phải thu khách hàng dài hạn	1.651.910.492	1.651.910.492
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	409.683.406	409.683.406
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	468.538.130	468.538.130
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	773.688.956	773.688.956
Trả trước cho người bán ngắn hạn	41.966.909.665	44.106.683.430
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	3.109.548.795	2.974.548.795
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	8.193.663.013	9.831.273.382
Công ty Cổ phần VNECO - RME	30.663.697.857	31.300.861.253
Phải thu về cho vay ngắn hạn	165.792.000.000	166.790.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	152.192.000.000	153.190.000.000
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	2.950.000.000	2.950.000.000
Công ty Cổ phần VNECO - RME	9.550.000.000	9.550.000.000



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Phải thu khác	Mối quan hệ		01/01/2024
	30/6/2024	VND	
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3		VND	44.576.875.567
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4			1.556.230.604
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8			158.824.342
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12			1.679.626.774
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1			232.572.888
Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng			48.665.668.683
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung			433.433.964
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO			2.335.614.059
Công ty Cổ phần VNECO - RME			1.562.469.009
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10			192.819.491
			4.520.548
Phải trả người bán ngắn hạn			56.783.501.197
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3			12.168.590.338
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4			13.700.159.263
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8			42.160.000
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12			16.133.849.309
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1			5.923.753.440
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung			1.796.830.413
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO			2.746.427.015
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10			4.271.731.419
			17.679.254.595
			5.923.753.440
			3.670.290.366
			3.173.627.110
			4.279.562.511
Người mua trả tiền trước			10.082.072.242
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4 (Ngắn hạn)			1.340.000.000
Công ty Cổ phần Malblue (Dài hạn) (*)			(*)
			8.742.072.242

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

	Mối quan hệ		01/01/2024 VND
	30/6/2024 VND		
Vay và nợ thuê tài chính			
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	19.814.939.759		31.149.107.014
Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng	2.217.662.067		2.217.662.067
Công ty Cổ phần VNECO - RME	2.800.000.000		2.800.000.000
Công ty Cổ phần Malblue (*)	8.416.477.694		8.416.477.694
Phạm Hữu Minh Huy	(*)		15.494.967.255
Phạm Đỗ Minh Triết	89.800.000		50.000.000
Nguyễn Thị Hoàng Oanh	4.121.000.000		-
Phải trả khác	2.169.999.998		2.169.999.998
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	1.630.789.312		7.560.681.031
Phạm Đỗ Minh Triết	570.789.312		454.681.033
Nguyễn Anh Tuấn	1.060.000.000		3.851.000.000
	-		3.254.999.998

(*) Tại ngày 30/6/2024, Công ty Cổ phần Malblue không còn là bên liên quan của Tổng Công ty, do vậy, Tổng Công ty không trình bày số liệu tại ngày 30/6/2024.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Mẫu số B 09a - DN

344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu, Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.2 Báo cáo bộ phận

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024:

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động xây lắp	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Hoạt động kinh doanh khác	Tổng
Doanh thu	139.410.520.526	-	20.703.155.209	160.113.675.735
Giá vốn	138.777.650.706	-	8.044.357.149	146.822.007.855
Lợi nhuận gộp từ kết quả kinh doanh	632.869.820	-	12.658.798.060	13.291.667.880
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	632.869.820	-	12.658.798.060	13.291.667.880
Doanh thu hoạt động tài chính				11.388.482.605
Chi phí tài chính				(64.449.925.711)
Chi phí quản lý doanh nghiệp				(16.609.270.273)
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD				(171.067.077)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				-
Lợi nhuận trong kỳ				(56.550.112.576)

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023:

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động xây lắp	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Hoạt động kinh doanh khác	Tổng
Doanh thu	160.886.332.601	-	157.936.022.316	318.822.354.917
Giá vốn	155.343.452.253	-	120.336.650.100	275.680.102.353
Lợi nhuận gộp từ kết quả kinh doanh	5.542.880.348	-	37.599.372.216	43.142.252.564
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	5.542.880.348	-	37.599.372.216	43.142.252.564
Doanh thu hoạt động tài chính				12.539.123.483
Chi phí tài chính				(35.668.406.501)
Chi phí quản lý doanh nghiệp				(17.518.057.157)
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD				338.879.520
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(754.987.682)
Lợi nhuận trong kỳ				2.078.804.227

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30/6/2024 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động xây lắp	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Hoạt động kinh doanh khác	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản bộ phận	548.058.600.665	302.617.976.463	347.229.857.100	1.197.906.434.228
Tài sản không phân bổ				1.278.210.487.567
Tổng tài sản				2.476.116.921.795
NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ phải trả của các bộ phận	372.289.720.210	-	61.423.924.806	433.713.645.016
Nợ phải trả không phân bổ				1.076.737.771.391
Tổng nợ phải trả				1.510.451.416.407

107
3T
TH
OÁ
INA
51-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01/01/2024 như sau:

	Hoạt động		Hoạt động	Đơn vị tính: VND
	xây lắp	kinh doanh BĐS		
TÀI SẢN				Tổng
Tài sản bộ phận	653.301.355.744	302.633.976.463	411.247.952.921	1.367.183.285.128
Tài sản không phân bổ				1.297.918.724.571
Tổng tài sản				2.665.102.009.699
NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ phải trả của các bộ phận	459.239.561.251	-	184.369.554.504	643.609.115.755
Nợ phải trả không phân bổ				999.277.275.980
Tổng nợ phải trả				1.642.886.391.735

7.3 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 27/3/2024, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã có Nghị quyết số 07 NQ/VNECO-HĐQT về việc gia hạn thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, dự kiến thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 chậm nhất đến ngày 30/6/2024. Đến ngày 28/6/2024, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã có Nghị quyết số 11 NQ/VNECO-HĐQT về việc thay đổi thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 tại Quyết định số 07 QĐ/VNECO-HĐQT ngày 27/3/2024: Do Tổng Công ty cần thêm thời gian để tập trung giải quyết các vấn đề tồn tại trên một số công trình trọng điểm nhằm hoàn thiện hồ sơ, tài liệu, số liệu trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định nên thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 được thay đổi không muộn hơn ngày 15/9/2024. Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty vẫn chưa tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Ngày 20/6/2024, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã có Nghị quyết số 10 NQ/VNECO-HĐQT về việc thống nhất chủ trương bán một phần vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3. Theo đó, dự kiến sau khi hoàn thành việc bán một phần vốn đầu tư thì tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 sẽ còn lại khoảng 20%.

Ngày 18/7/2024, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã có Nghị quyết số 12 NQ/VNECO-HĐQT về việc thông qua phương án bán cổ phiếu quỹ của Tổng Công ty. Theo đó, số lượng cổ phiếu quỹ dự kiến bán là 8.377.720 cổ phiếu; Mục đích bán cổ phiếu quỹ: Bổ sung nguồn vốn lưu động; Giá bán: Theo quy chế giao dịch chứng khoán của Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh; thời gian dự kiến giao dịch: quý 3 và quý 4 năm 2024.

Ngày 29/7/2024, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã ban hành Quyết định số 13 QĐ/VNECO-HĐQT về việc thành lập Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Nam Sông Hương. Ngày 05/8/2024, Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV số 3301733197 cho Công ty. Trụ sở chính của Công ty tại Lô D19 Khu Đô Thị mới Mỹ Thượng, Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Vang, Thừa Thiên - Huế.

Ngày 03/8/2024, Tổng Công ty nhận được Thông báo số 02/TB-TLPS của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản do chậm thanh toán công nợ với Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Hiện tại, Tổng Công ty đang rà soát số liệu công nợ và có kế hoạch thanh toán dứt điểm trong thời gian tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.4 Thông tin tài chính khác

Ngày 12/10/2007, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và bà Ngô Kim Huệ ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư về xây dựng công trình phức hợp cao tầng tại thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng Công ty đã chuyển cho bà Ngô Kim Huệ 310.000.000.000 VND bằng nguồn vốn phát hành trái phiếu và vay ngân hàng. Tuy nhiên, việc sang tên để Tổng Công ty đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không hoàn thành đúng tiến độ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 25/6/2010, hai bên đã lập biên bản làm việc thống nhất chấm dứt hợp đồng hợp tác. Trên cơ sở đó, ngày 30/6/2010, hai bên thống nhất ký thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo đó, bà Ngô Kim Huệ phải trả lại cho Tổng Công ty số tiền 400.000.000.000 VND (gồm 310.000.000.000 VND tiền gốc và 90.000.000.000 VND tiền lãi). Bà Ngô Kim Huệ sau đó đã chuyển trả cho Tổng Công ty 400.000.000.000 VND nói trên.

Theo Bản án số 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018, Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định Tổng Công ty có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Hứa Thị Phần và các bị cáo khác phạm tội “Lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”, do liên quan đến số tiền 200.000.000.000 VND trong 400.000.000.000 VND mà bà Ngô Kim Huệ đã chuyển trả cho Tổng Công ty. Theo đó, bản án yêu cầu Tổng Công ty hoàn trả lại số tiền 200.000.000.000 VND nêu trên cho Ngân hàng Xây dựng Việt Nam. Về quan hệ giữa các bị cáo và Tổng Công ty sẽ được giải quyết trong một vụ án khác khi các bên có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Hiện tại, Tổng Công ty đang làm các thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục Giám đốc thẩm.

Ngày 08/02/2022, Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Tổng Công ty về việc buộc Tổng Công ty phải hoàn trả số tiền 200.000.000.000 VND được xác định là vật chứng vụ án cho Ngân hàng TNHH MTV Xây dựng Việt Nam.

7.5 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu

Võ Quang

Kế toán trưởng

Phạm Đỗ Minh Triết

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 8 năm 2024
Tổng Giám đốc

Nguyễn Tịnh